TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BẢN ÁN SỐ: 07/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22-02-2023
V/v: Tranh chấp về ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Kim Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ánh Nhạn

2. Bà Trần Thị Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Son – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lương Bá Xanh – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2023 về việc "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu T, sinh năm 1995. Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Anh Phạm Quốc K, sinh năm 1996. Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

(Chị T và anh K vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05-01-2023 và các biên bản làm việc, nguyên đơn chị Trần Thị Thu T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Quốc K chung sống với nhau vào năm 2018, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G vào năm 2019, sau khi kết hôn anh chị sống riêng đến khi ly thân.

Chị và anh K chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh K có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường gây gỗ, vào khoảng tháng 4 năm 2022 anh K bỏ nhà đi 06 tháng mới trở về, vì thương con nên chị tha thứ để vợ chồng tiếp tục chung sống, nhưng anh K vẫn không thay đổi, đến tháng 01 năm 2023 chị và con về nhà cha mẹ ruột sống đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn do hôn nhân không hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh K.

Về con chung: Có 01 người là cháu Phạm Ngọc Minh A, sinh ngày 30-12-2019. Chị T chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Quốc K Tòa án có tiến hành triệu tập hợp lệ để thu thập chứng cứ nhưng anh K có đơn xin vắng mặt và trình bày ý kiến:

Về hôn nhân đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T; về con chung đồng ý giao cho chị T nuôi dưỡng; về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân gia đình. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Thu T đối với anh Phạm Quốc K. Về con chung: Giao cháu Phạm Ngọc Minh A, sinh ngày 30-12-2019 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Về nợ chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị T và anh K vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin vắng mặt nên vụ án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị T và anh K chung sống với nhau vào năm 2018, hôn nhân tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G vào năm 2019 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhân và bảo vệ. Nay chị T có yêu cầu ly hôn với anh K Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị T: Chị T cho rằng anh K có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, bỏ nhà đi 06 tháng mới về, vì thương con nên nhiều lần chị khuyên can nhưng anh K không thay đổi dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, sau khi ly thân anh K cũng không bàn việc đoàn tụ với chị. Đối với anh K, do vắng mặt nên Tòa án không thể làm rõ nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh chị để tiến hành hòa giải nhằm mục đích giúp anh chị đoàn tụ xây dựng gia đình hạnh phúc; tại bản tự khai anh K đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T, cho thấy cả hai anh chị đều không có thiện chí để đoàn tụ, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh K là phù theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Phạm Ngọc Minh A, sinh ngày 30-12-2019, anh K đồng ý giao cháu Minh A cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, yêu cầu nuôi con chung của chị T được Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp theo quy định tại các điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh K không yêu cầu nên không giải quyết.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử sụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Trần Thị Thu T đối với bị đơn anh Phạm Quốc K. Chị T được ly hôn với anh K.

2. Về con chung: Giao cho chị T có quyền, nghĩa vụ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Ngọc Minh A, sinh ngày 30-12-2019. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng chị T đã nộp theo biên lai thu số 0025101 ngày 09-01-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- Ủy ban nhân dân xã Hiệp Thạnh (104/2019);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Kim Quyên